TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/KDTM-ST
Ngày: 12-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Hồng Nga và ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ thụ lý số: 36/2025/KDTM-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng về dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2025/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-KDTM ngày 07/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Tổng Công ty cổ phần B1 (V); địa chỉ: Số B, Ngõ A D, phường C, quận C, Thành Phố Hà Nội (nay là phường N, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp: ông Đỗ Huy B, là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S; địa chỉ: Số A, đường số E, tổ A, Khu phố C, phường T, Thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Văn C, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn là Tổng Công ty Cổ phần B1 (gọi tắt Viettel Post) trình bày:

Ngày 30/07/2023, Viettel P và Công ty TNHH S (gọi tắt Công ty S) đã ký Hợp đồng cung cứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, chuyển phát quốc tế số 0012023/VTPOST - VIETLIGHT - HĐCP. Viettel Post cung ứng dịch vụ cho Công ty S đúng quy định hợp đồng. Trên cơ sở đó, ngày 19/04/2024, ngày 29/04/2024, ngày 31/05/2024, ngày 28/05/2024, ngày 28/06/2024 và ngày 15/06/2024 tổng số tiền 707.988.331 đồng. Công ty S đã thanh toán được 131.013.543 đồng. Số tiền còn nợ

576.674.788 đồng. Viettel Post đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng, bảng kê và gửi hồ sơ thanh toán yêu cầu Công ty S thanh toán công nợ với tổng số tiền là 576.974.788 đồng. Căn cứ Điều 3 Hợp đồng, Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Viettel P chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán. Mặc dù, đã quá thời hạn nêu trên nhưng Công ty S vẫn không thanh toán công nợ cho Viettel P dù Viettel Post đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán.

Ngày 17/09/2024, Công ty TNHH S đã gửi công văn xác nhận thanh toán nợ Viettel P với số tiền là 576.974.788 đồng và xin chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho tới ngày 18/10/2024. Tuy nhiên, cho tới nay Công ty S vẫn không thanh toán. Vì vậy, Viettel P đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty S phải thanh toán cho Viettel P số tiền 576.974.788 đồng và tiền lãi chậm trả tính tới ngày 21/01/2025 là 31,302,521 đồng.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo đó lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Tại Điều 3 Hợp đồng quy định: *"... Nếu chậm thanh toán, bên A phải chịu lãi suất bằng 150% lần lãi suất cho vay có kỳ hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng Thương mại cổ phần N (V) công bố áp dụng tại thời điểm thanh toán đầy đủ cho khoản tiền chậm thanh toán."*

Căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015:*"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định."* Cụ thể: *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay".* Như vậy, mức lãi suất chậm trả Viettel Post xác định ở mức 10%/năm.

Tổng số tiền mà Viettel P đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty S thanh toán tính đến ngày 21/01/2025 mức lãi suất 10%/năm là: 608,277,309 đồng,

- *Đối với bị đơn Công ty S:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/6/2025; tham gia phiên tòa vào các ngày 23/7/2025 và ngày 12/8/2025 nhưng vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối

với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có trụ sở tại số A, đường số E, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh) phải thanh toán số tiền cước bưu chính viễn thông còn nợ nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào ngày 23/7/20235 và ngày 12/8/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, bị đơn phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, chuyển phát quốc tế số 0012023/VTPOST - VIETLIGHT - HĐCP ngày 30/07/2023 được ký kết giữa người có thẩm quyền của nguyên đơn và người có thẩm quyền của bị đơn, có những nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[5] Căn cứ hợp đồng, Viettel P cung ứng dịch vụ cho Công ty S đúng thỏa thuận. Trên cơ sở đó, ngày 19/04/2024, ngày 29/04/2024, ngày 31/05/2024, ngày 28/05/2024, ngày 28/06/2024 và ngày 15/06/2024, Viettel P đã thực hiện cung ứng dịch vụ cho bị đơn với tổng số tiền 707.988.331 đồng. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn, bảng kê chi tiết các vận đơn gửi hồ sơ thanh toán cho Công ty S. Công ty S đã thanh toán cho nguyên đơn 131.013.543 đồng. Số tiền còn lại là 576.974.788 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Ngày 17/9/2024, bị đơn gửi xác nhận công nợ và cam kết thanh toán cho nguyên đơn nhưng bị đơn cũng không thực hiện đúng thỏa thuận. Quá trình giải quyết, bị đơn không cung cấp các chứng cứ về việc đã thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 50, 55 Luật Thương mại nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về tiền lãi chậm thanh toán: tại Tại Điều 3 Hợp đồng quy định: *"... Nếu chậm thanh toán, bên A phải chịu lãi suất bằng 150% lần lãi suất cho vay có kỳ hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng Thương mại cổ phần N (V) công bố áp dụng tại thời điểm thanh toán đầy đủ cho khoản tiền chậm thanh toán."* Nguyên đơn yêu cầu

bị đơn phải trả số tiền tính từ ngày 30/5/2024 đến xét xử sơ thẩm số tiền là 31,302,521 đồng. Căn cứ vào biểu lãi suất do Ngân hàng TMCP N cung cấp thì mức lãi suất trung hạn là 9.0% năm thì số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 57.091.730 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi 31,302,521 đồng là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 50, Điều 51 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty cổ phần B1 (Viettel Post) đối với Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty cổ phần B1 (V) tổng số tiền là 608.277.309 (sáu trăm lẻ tám triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm lẻ chín) đồng; trong đó: tiền nợ 576.974.788 (năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi tám) đồng và tiền lãi 31.302.521 (ba mươi mốt triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm hai mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 28.331.000 (hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn) đồng.

Trả lại cho Tổng Công ty cổ phần B1 (V) 14.165.546 đồng (mười bốn triệu một trăm sáu năm nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008063 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND KV 16, TP Hồ Chí Minh (01);
- VKSND KV 16, TP Hồ Chí Minh (01);
- Phòng THADS TP Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền